

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2023/DS-ST
Ngày: 29 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒ, TỈNH KG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Văn Dân.
- Ông Nguyễn Văn Dũng.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG:** Bà Trần P Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2023/LST - DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành C sinh năm 1953; địa chỉ: Số L16-C24 TD, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông C: Ông Lê Thái S sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố CXM, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Trần Văn H (tên gọi khác Trần Thanh H) sinh năm 1950 và Nguyễn Thị L sinh năm 1953; địa chỉ: ấp TN, xã BG, huyện HỒ, tỉnh KG. (vắng mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Văn T (tên gọi khác Trần Văn P) sinh năm 1988; địa chỉ: ấp TN, xã BG, huyện HỒ, tỉnh KG. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2023 nguyên đơn là ông Nguyễn Thành C trình bày:

Ngày 08/11/2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị L và Trần Văn H (tên thường gọi Trần Thanh H) có làm giấy hẹn trả nợ với nội dung thừa nhận có nhờ ông mượn giùm số tiền 500.000.000 đồng để mua phân thuốc trừ sâu và chuộc đất. Ông H, bà L hẹn đến vụ Đông Xuân năm 2019 khoảng tháng 3, 4 sẽ trả đủ số tiền trên cho ông nhưng không trả.

Sau đó ông H, bà L hẹn đến vụ Hè Thu năm 2020 khoảng tháng 7, 8 sẽ trả trước cho ông đợt 1 là 50.000.000 đồng. Đợt 2 đến thu hoạch Đông Xuân năm 2021 khoảng tháng 7, 8 sẽ trả số tiền 150.000.000 đồng. Ông H, bà L cam kết nếu không trả được như đã hẹn thì đồng ý giao đất cho ông canh tác và có chữ ký xác nhận của con ông, bà là ông Trần Văn T ký vào giấy nhận nợ.

Sau đó, đến ngày 14/01/2023 bà L, ông H tiếp tục làm giấy cam kết xin trả hàng tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ngày bắt đầu trả là ngày 25/02/2023 âm lịch cho đến khi trả hết nợ vay. Nhưng sau đó ông, bà chỉ trả được số tiền 90.000.000 đồng nên số tiền còn nợ lại tính đến nay chưa trả là 410.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2023, ông Nguyễn Thành C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L, Trần Văn H và ông Trần Văn T phải trả số tiền còn nợ là 410.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1%/tháng kể từ ngày 08/11/2018, thời hạn 04 năm với số tiền 196.800.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi ông yêu cầu bà L, ông H, ông T phải trả là 606.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành C là ông Lê Thái S rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc các ông, bà H, L, T trả số tiền gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi là 8.640.000 đồng, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T và điều chỉnh yêu cầu tính lãi suất từ 1%/tháng thành 10%/năm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2023, bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà có vay tiền của ông C nhiều lần, bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu, bà chỉ biết còn nợ ông C số tiền vốn gốc là 392.000.000 đồng. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C buộc bà, chồng bà là ông Trần Văn H và con trai bà là ông Trần Văn T phải trả số tiền vốn gốc 410.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày 08/11/2018, thời hạn 04 năm với số tiền 196.800.000 đồng.

Bà và ông H chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền vốn gốc là 392.000.000 đồng, phần tiền lãi xin ông C không tính lãi. Bà đã thông báo cho ông H, ông T biết việc

ông C khởi kiện và các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông H, ông T không đến Tòa án tham dự được. Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Trần Văn H, ông Trần Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập các ông đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các ông vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy có đủ căn cứ xác định ông H, bà L còn nợ ông C số tiền vốn gốc là 392.000.000 đồng. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu ông H, bà L phải liên đới thanh toán số tiền vốn gốc là 392.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 08/11/2018 cho đến nay, thời gian 4 năm theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn gốc là 18.000.000 đồng, lãi là 8.640.000 đồng, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T và điều chỉnh yêu cầu tính lãi từ 1%/tháng thành 10%/năm nên đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thành C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị L trả số tiền vay nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn là ông H, bà L có địa chỉ nơi cư trú tại xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, ông Trần Văn H và ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của các ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Thái S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc, tiền lãi, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T và điều chỉnh yêu cầu tính lãi suất từ 1%/tháng thành 10%/năm nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 144 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa ông Nguyễn Thành C và các ông, bà Nguyễn Thị L, Trần Văn P (Trần Thanh P), Trần Văn T (tên gọi khác là Trần Văn P) có xác lập các giao dịch vay tiền như:

Ngày 08/11/2018 bà L, ông T có ký biên nhận nhờ ông Nguyễn Thành C mượn giúp số tiền là 400.000.000 đồng để chuộc đất.

Ngày 20/11/2018 bà L và ông T có ký biên nhận nhờ ông C mượn giúp số tiền là 100.000.000 đồng để mua phân bón.

Ngày 18/5/2000 ông H, bà L, ông T ký Giấy hẹn trả nợ lần thứ 41 xác định có nợ ông C số tiền là 500.000.000 đồng và cam kết vào vụ Hè Thu năm 2020 khoảng tháng 7, 8 sẽ trả trước cho ông đợt 1 là 50.000.000 đồng; đợt 2 đến thu hoạch Đông Xuân năm 2021 khoảng tháng 7, 8 sẽ trả số tiền 150.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2023 bà L, ông H, bà L tiếp tục làm giấy cam kết xin trả hàng tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ngày bắt đầu trả là ngày 25/02/2023 âm lịch cho đến khi trả hết nợ vay.

Quá trình giải quyết vụ án ông C cho rằng ông H, bà L chỉ trả được số tiền 90.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 410.000.000 đồng. Ông C khởi kiện ông cầu các ông, bà L, H, T phải liên đới trả số tiền vốn gốc còn nợ là 410.000.000 đồng và trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 08/11/2018 đến nay, làm tròn 04 năm là 196.800.000 đồng.

Ông H, ông T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, cũng không có ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ do ông C cung cấp. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai

ngày 23/11/2023, bà L xác định tất cả các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho ông H, ông T do bà nhận thay bà đều trực tiếp giao lại cho ông H, ông T. Bà xác định gia đình bà còn nợ ông C số tiền vốn gốc là 392.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền vốn gốc nhưng xin ông C phần tiền lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện, đồng ý cho các ông, bà L, H L đối trả số tiền vốn gốc còn nợ là 392.000.000 đồng. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu các ông, bà H, L phải liên đới thanh toán số tiền vốn gốc còn nợ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự (BLDS) nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của ông C:

Quá trình giải quyết vụ các bên đương sự xác định, số tiền gốc ông C cho các ông, bà H, L, T mượn, không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, điều chỉnh lãi suất 1%/tháng thành 10%/năm và yêu cầu tính lãi thời hạn 04 năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS nên HĐXX chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: $392.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 4 \text{ năm} = 156.800.000 \text{ đồng}$.

Tổng gốc và lãi cho các ông, bà L, H phải có nghĩa vụ L đối thanh toán cho ông C là 548.800.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành C đối với bị đơn là các ông, bà Trần Văn H (Trần Thanh H), Nguyễn Thị L đối với số tiền vốn gốc là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), lãi là 8.640.000 đồng (Tám triệu sáu trăm bốn chục nghìn đồng), đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là ông Trần Văn T (Trần Văn P) và điều chỉnh yêu cầu tính lãi từ 1%/tháng thành 10%/năm.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C đối với các ông, bà Trần Văn H, Nguyễn Thị L, Trần Văn T. Buộc các ông, bà H, L, T phải thanh toán cho ông C số tiền vốn gốc 392.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu đồng) và tiền lãi là 156.800.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), tổng cộng là 548.800.000 đồng (Năm trăm bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu của ông C được Tòa án chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.136.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000242 ngày 03/10/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện HD, tỉnh KG.

Ông H, bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Tú